

**CÔNG TY CỔ PHẦN XFLASH GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XFLASH GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: XFLASH GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: XFLASH GROUP.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109956523

**3. Ngày thành lập:** 06/04/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 02. Số 117 Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0359 169 396

Fax:

Email: *Xpianovietnam@gmail.com*

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                     | 8531        |
| 2.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                  | 8532        |
| 3.  | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                   | 8533        |
| 4.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                      | 8551        |
| 5.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                        | 8552        |
| 6.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                            | 8560        |
| 7.  | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>Chi tiết: trừ hoạt động của các nhà báo độc lập                                                                                                      | 9000        |
| 8.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực<br>khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                       | 7212        |
| 9.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                          | 7310        |
| 10. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                           | 7320        |
| 11. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                     | 7410        |
| 12. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                | 7420        |
| 13. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                          | 2620        |
| 14. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                 | 2640        |
| 15. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và<br>thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                   | 2817        |
| 16. | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                                                                                                                       | 2819        |
| 17. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                       | 4799        |
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                     | 4933        |
| 19. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình<br>truyền hình                                                                                                                        | 5911        |
| 20. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                   | 5912        |
| 21. | Hoạt động chiếu phim                                                                                                                                                                               | 5914        |
| 22. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi<br>giới lao động, việc làm<br>Chi tiết:<br>Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi<br>giới lao động, việc làm. | 7810        |
| 23. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                         | 7820        |
| 24. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                                                 | 7830        |
| 25. | Sản xuất nhạc cụ                                                                                                                                                                                   | 3220(Chính) |

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông             | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức  | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>DIÊN MƯỜI     | Khu 5, Xã<br>Phương Viên,<br>Huyện Hạ Hoà,<br>Tỉnh Phú Thọ,<br>Việt Nam             | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 688.000       | 6.880.000.000            | 86,000       | 132261618                                                                                                              |            |
|     |                         |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                     | Tổng số                            | 688.000       | 6.880.000.000            | 86,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>ĐĂNG<br>DƯƠNG | Khu Thị An, Thị<br>Trần Hưng Nhân,<br>Huyện Hưng Hà,<br>Tỉnh Thái Bình,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 24.000        | 240.000.000              | 3,000        | 0340940041<br>52                                                                                                       |            |
|     |                         |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                     | Tổng số                            | 24.000        | 240.000.000              | 3,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                      |                                                                            |                           |        |             |        |              |  |
|---|----------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|--|
| 3 | ĐỖ ĐÌNH SON          | Thôn 5, Xã Văn Lang, Huyện Hạ Hoà, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông         | 8.000  | 80.000.000  | 1,000  | 132261543    |  |
|   |                      |                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                      |                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                      |                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                      |                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                      |                                                                            | Tổng số                   | 8.000  | 80.000.000  | 1,000  |              |  |
|   |                      |                                                                            |                           |        |             |        |              |  |
| 4 | NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG | TDP Thôn Kim Sơn, Thị Trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 80.000 | 800.000.000 | 10,000 | 024196012883 |  |
|   |                      |                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                      |                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                      |                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                      |                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                      |                                                                            | Tổng số                   | 80.000 | 800.000.000 | 10,000 |              |  |
|   |                      |                                                                            |                           |        |             |        |              |  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 24/06/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024196012883

Ngày cấp: 09/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *TDP Thôn Kim Sơn, Thị Trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *TDP Thôn Kim Sơn, Thị Trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội